

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CXD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 123L0671004-801 - T ấ n ấ g đ ấ g 2 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3610501048	L36CXD1	L NG TH ANH	23/06/1991				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	DAU
2	3610101118	L36CC ấ 1	L ấ ấ CH NG ấ N	12/08/1988				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
3	3610101086	L36CC ấ 1	NGUY N V ấ N BÌNH	13/08/1988				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
4	3610501138	L36CXD1	NGUY N V ấ N C NG	20/02/1988				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
5	3610101119	L36CC ấ 1	NGUY N XU ấ N DANH	18/02/1984				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
6	3610501047	L36CXD1	ấ HI N ấ T	26/08/1991				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
7	3610101120	L36CC ấ 1	V ấ XU ấ N H U	17/04/1987				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	3610101001	L36CC ấ 1	TR N DUY HI U	20/03/1983				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
9	3610101159	L36CC ấ 1	PH M H ầ NG	21/09/1990				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
10	3610501073	L36CXD1	PH M V ấ N H NG	17/10/1989				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
11	3610101106	L36CC ấ 1	L ấ TRUNG KI ầ N	20/03/1982				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
12	3610401079	L36COT1	L ấ ấ NG KHOA	10/10/1988				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
13	3610501003	L36CXD1	NG ấ NH T KHOAN	24/06/1989				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
14	3610501100	L36CXD1	H ấ ấ NH LAN	02/03/1990				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
15	3610501143	L36CXD1	L ấ V ấ N L ầ M	20/09/1990				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
16	3610501066	L36CXD1	NGUY N KH C LONG	10/01/1991				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
17	3610101172	L36CC ấ 1	NGUY N V ấ N L NG	29/12/1989				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
18	3610101124	L36CC ấ 1	L ấ B ấ M ầ O	30/11/1987				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
19	3610501009	L36CXD1	TR N B ầ NINH	10/01/1988				10.0			10.0	3.0	3.0	2.1	5.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CXD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 123L0671004-801 - T ấ n ấ g d ấ g 2 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3610401014	L36COT1	L ấ TR NG	NGH ấ	16/11/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
21	3610501024	L36CXD1	NGUY N V ấ N	NGH ấ	20/03/1982				10.0			10.0	3.0	5.0	3.5	6.5	
22	3610401095	L36COT1	H V ấ	PHONG	06/12/1989				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
23	3610501116	L36CXD1	V ấ V ấ N	PH N G	01/05/1990				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
24	3610501032	L36CXD1	TR N NGUY N HO ấ NG	PH C	02/09/1991				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
25	3610501134	L36CXD1	NGUY N H NG	QUANG	26/05/1989				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
26	3610401150	L36COT1	NGUY N VINH	QUANG	21/08/1986				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
27	3610501136	L36CXD1	TR N	QU C	01/10/1988				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
28	3610501091	L36CXD1	TR N M NH	QU C	21/10/1991				0.0			0.0	0.0	2.0	1.4	1.4	
29	3610101074	L36CC ấ 1	TR N V ấ N	QU ấ	13/04/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	3610501050	L36CXD1	NGUY N DUY	S ấ M	01/05/1989				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
31	3610101038	L36CC ấ 1	NGUY N ấ C	S N	30/10/1991				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
32	3610101148	L36CC ấ 1	NGUY N T N	S	25/08/1982				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
33	3610501055	L36CXD1	D NG MINH	T ấ I	06/10/1990				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
34	3610101059	L36CC ấ 1	L ấ V ấ N	T ấ NH	21/09/1987				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
35	3610501041	L36CXD1	T ấ N TH ấ NG	T ồ NG	02/12/1990				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
36	3610501017	L36CXD1	CAO MINH	T I	11/10/1991				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
37	3610101097	L36CC ấ 1	HU ấ NH NG C	TU N	10/10/1986				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : L36CXD1 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 123L0671004-801 - To ã n g d ã g 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
38	3610101093	L36CCĐ1	PH M Vĩ N	TU N	29/03/1990				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
39	3610501110	L36CXD1	TR N MINH	TU N	20/05/1991				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
40	3610101064	L36CCĐ1	Lé Vĩ N	TUYÊN	28/12/1990				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
41	3610101163	L36CCĐ1	Lé TR N THANH	TÙNG	01/01/1986				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
42	3610101114	L36CCĐ1	ñ Vĩ N	TÚ	28/05/1984				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
43	3610101103	L36CCĐ1	CAO Vĩ N	TH NG	25/05/1989				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
44	3610101083	L36CCĐ1	NGUY N Vĩ N	TH NG	07/03/1988				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
45	3610401026	L36COT1	NGUY N THANH	TR N G	12/11/1990				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
46	3610101096	L36CCĐ1	TR NG QU C	TR N G	20/02/1986				0.0			0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	

T ã g s : 46 h c sinh sinh vĩ² n
Tr ã g Khoa
Gi o Vĩ² n B M ã n
Tp.HCM, ngày / /
Gi o V ã g Khoa